

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/DS-PT
Ngày 03-10-2019
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

Ông Huỳnh Đắc Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DSST, ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Mỹ V, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị H: Luật sư Đồng Văn H, Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Võ Thị N, sinh năm 1959 (Tên thường gọi: H B, vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Lưu Thị Mỹ H1 sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* bà Dương Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Mỹ V trình bày:* Vào ngày 06-12-2002 âm lịch, bà Dương Thị H có vay của bà số tiền là 15.000.000 đồng làm vốn mua bán với lãi suất 06%/tháng (900.000 đồng/tháng) không hẹn thời gian trả, có biên nhận do bà H viết và ký tên. Sau khi vay bà H có đóng được 02 lần tiền lãi là 1.800.000 đồng vào các ngày 06/01/2003 và ngày 06/02/2003 âm lịch. Sau đó bà H không đóng lãi cho đến tháng 5/2013 bà H trả tiền vốn cho bà 2.000.000 đồng, số tiền này bà nhận từ việc bà N trả cho bà V. Đến nay bà H không đóng lãi cũng không trả vốn cho bà, bà có đến gặp bà H nhiều lần để yêu cầu trả tiền nhưng bà H không trả. Nay bà yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền là 13.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông N1 chồng bà H phải trả.

- *Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Dương Thị H trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của bà V về việc có vay của bà V số tiền là 15.000.000 đồng, bà có đóng lãi được 02 lần là 1.800.000 đồng và trả vốn được 2.000.000 đồng còn nợ lại bà V số tiền vốn 13.000.000 đồng. Do lúc đó bà làm ăn thua lỗ không có khả năng trả vốn và lãi tiếp cho bà V. Bà với bà V đã thỏa thuận với nhau là hàng tháng bà V sẽ mua gạo và đồ tạp hóa tiệm của bà để trừ nợ với số tiền mỗi tháng bằng 500.000 đồng, nếu tháng nào bà V không mua đến 500.000 đồng thì bà sẽ gửi tiền thêm cho bà V cho đủ số tiền 500.000 đồng. Tính từ tháng 03/2003 đến tháng 01/2005 bà đã trả được số tiền 11.500.000 đồng, số tiền còn lại là 1.500.000 đồng bà đã cản trừ với bà N (bà H B) do bà N còn nợ bà số tiền 1.500.000 đồng, bà N là người làm công cho bà H1 nên bà N thỏa thuận với bà H1 lấy tiền công của bà N để trừ nợ cho bà. Việc cản trừ này được thực hiện xong vào tháng 03 năm 2005. Như vậy, bà đã trả đủ cho bà V số tiền 15.000.000 đồng, việc vay tiền này chỉ có bà với bà V không có chồng bà là ông N1 vay, bà không đồng ý theo yêu cầu của bà V.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 trình:* Ông là chồng của bà Dương Thị H, thời gian đầu ông không biết việc bà H vay tiền của bà V, sau này khi bà H nói lại thì ông mới biết nhưng không rõ. Trước đây năm nào ông không nhớ rõ bà H có kêu ông chở gạo và đồ tạp hóa nhiều lần cho bà V, ông có nghe bà H nói đã trả tiền cho bà V nhiều lần, hiện nay còn nợ hay không thì ông không biết.

- *Bà Võ Thị N có lời trình bày:* Bà có nợ bà Dương Thị H số tiền 1.500.000 đồng, đến nay đã trả xong. Khi bà giúp việc nhà cho bà Lưu Thị Mỹ H

thì bà V có nói với bà H1 lấy tiền công của bà là 1.500.000 đồng để trừ qua số tiền bà H còn nợ bà V thì bà đồng ý, bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Bà *Lưu Thị Mỹ H* trình bày: Bà có thuê bà *Võ Thị N* làm việc nhà tiền công mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Bà biết bà *N* có nợ tiền của bà *H* và bà *H* có nợ của bà *V* (chị của bà), nên bà *H* có yêu cầu bà chuyển số tiền làm công của bà *N* cho bà *V* để trừ nợ với số tiền là 1.500.000 đồng, bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện *C* đã quyết định:

Áp dụng Điều 149, 166, 280 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà *Lưu Thị Mỹ V*. Buộc bà *Dương Thị H* có nghĩa vụ trả cho bà *Lưu Thị Mỹ V* số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2019 bà *Dương Thị H* kháng cáo, không đồng ý trả tiền cho bà *V* do bà đã trả xong, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà *V* vì đã hết thời hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Tòa án sơ thẩm buộc bà *H* trả cho bà *V* số tiền 13.000.000 đồng, nhưng ông *N1*, bà *N*, bà *H1* có lời trình bày giống bà *H*, có cơ sở chứng minh bà *H* đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng và tiền lãi 1.800.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên bà *H* và bà *V* thỏa thuận mỗi tháng lấy gạo và tạp hóa cho bà *H* cho đủ số tiền 500.000 đồng, bà *H* đã thực hiện xong nghĩa vụ trả 11.500.000 đồng cho bà *V*. Ông *N1* tuy là chồng bà *H* nhưng có lời khai trung thực, thời hiệu khởi kiện đã hết, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà *H*, hủy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện *C*, đình chỉ giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh *Trà Vinh* phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bà *H* không có cơ sở chấp nhận, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà *V* đồng ý căn trừ số tiền lãi 1.800.000 đồng và tiền gốc 13.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà *H* phải trả số tiền 11.200.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà *V* nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện *C*.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên có cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị H còn trong hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn N1, bà Võ Thị N, bà Lưu Thị Mỹ H vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà V, bà H đều thống nhất bà H có vay của bà V số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 06/12/2002 để bà V có vốn mua bán với lãi suất 06%/tháng, hai bên có làm biên nhận do bà H viết và ký tên. Sau khi vay bà H có đóng được 02 lần tiền lãi là 1.800.000 đồng và trả tiền vốn được 2.000.000 đồng nên còn nợ 13.000.000 đồng. Bà V cho rằng đã trả xong cho bà H số tiền 13.000.000 đồng nên không đồng ý trả tiếp số tiền 13.000.000 đồng theo yêu cầu của bà V.

[3] Kháng cáo của bà H không đồng ý trả cho bà V số tiền 13.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: bà H cho rằng đã trả cho bà V 13.000.000 đồng bằng hình thức là hàng tháng bà V sẽ mua gạo và đồ tạp hóa của bà để trừ nợ với số tiền mỗi tháng bằng 500.000 đồng nếu tháng nào bà V không mua đến số tiền 500.000 đồng thì bà H sẽ gửi tiền thêm cho bà V đủ số tiền 500.000 đồng, nhưng phía bà V không thừa nhận việc này. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã cản trở việc bán gạo, tạp hóa cho bà V hết số nợ 13.000.000 đồng nên Tòa án sơ thẩm buộc bà H trả cho bà V số tiền 13.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa bà V thống nhất trừ số tiền lãi đã nhận 1.800.000 đồng vào tiền gốc 13.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 11.200.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà V, buộc bà H phải trả cho bà V số tiền 11.200.000 đồng.

[4] Từ nhận định nêu trên, không chấp nhận ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H, không chấp nhận kháng cáo của bà H. Chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[5] Về án phí: Bà V không phải chịu án phí, bà H thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 bà H được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Mỹ V. Buộc bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị Mỹ V số tiền 11.200.000.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Lưu Thị Mỹ V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018616 ngày 29/11/2018 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Bà Dương Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Tổng Văn Viên

